

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/KDTM-PT

Ngày 03 - 3 - 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Châm.

Các Thẩm phán thành viên: Ông Lộc Sơn Thái;

Bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2020/TLPT- KDTM ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc Tranh chấp hợp đồng xây dựng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2020/KDTM-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐPT-KDTM ngày 05 tháng 01 năm 2021; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn H; địa chỉ: đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Minh V; chức vụ: Giám đốc; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn H: Bà Phạm Thị Th; địa chỉ: Khố X, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, theo Giấy ủy quyền ngày 10/3/2020; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Chu Thế V - Luật sư Văn phòng Luật sư HV- Đoàn L tỉnh Lạng Sơn, địa chỉ: đường C, khối A, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Quốc tế L; địa chỉ: Thôn N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Bảo K; chức vụ: Tổng giám đốc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Bảo K:

1. Ông Đặng Văn H, sinh ngày 09/5/1966, chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế L; địa chỉ: Thôn N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn theo Văn bản ủy quyền số 11/GUQ-CPQTLS, ngày 14/01/2021; có mặt.

2. Ông Vi Chí S, sinh ngày 05/9/1957, chức danh: Cố vấn pháp luật Công ty Cổ phần Quốc tế L; địa chỉ: đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn theo Văn bản ủy quyền số 11/GUQ-CPQTLS, ngày 14/01/2021; có mặt.

3. Ông Dương Văn N, sinh ngày 08/7/1966, chức danh: Nhân viên kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Quốc tế L; địa chỉ: đường Đ, khối C, phường L, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn theo Văn bản ủy quyền số 11/GUQ-CPQTLS, ngày 14/01/2021; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần Quốc tế L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và nội dung Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố L được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H, người đại diện theo ủy quyền bà Phạm Thị Th, trình bày:

Ngày 31/12/2010, Công ty Cổ phần Quốc tế L (sau đây viết tắt là Công ty Quốc tế) là chủ đầu tư phát thầu ký Hợp đồng bao thầu xây dựng công trình nhà ở kết hợp thương mại kiến trúc phong cách cổ điển cung điện Orsay Castle và Provenc với Công ty trách nhiệm hữu hạn H (sau đây viết tắt là Công ty H) là nhà nhận thầu. Nội dung hợp đồng là xây 04 lô nhà kết hợp thương mại kiến trúc phong cách cổ điển cung điện Orsay Castle và Provenc, ngày hoàn thành công trình giai đoạn I là 30/6/2011, phương thức thanh toán trước ngày 25 hàng tháng, số tiền thanh toán giai đoạn bằng 85% tổng giá trị nghiệm thu, 15% còn lại được thanh toán khi hoàn công... Công ty H đã thực hiện khối lượng thi công xong trước thời hạn, hai bên đã nghiệm thu. Ngày 02/5/2011, hai bên lập biên bản đối chiếu công nợ, xác định Công ty Quốc tế phải thanh toán 85% giá trị nghiệm thu là 4.082.299.819 đồng, Công ty H đã đề nghị Công ty Quốc tế thanh toán nhưng Công ty Quốc tế không thực hiện thanh toán và không thông báo kế hoạch thi công tiếp theo. Sau đó, Công ty H đã có nhiều văn bản đề nghị Công ty Quốc tế thanh toán số tiền công trình đã hoàn thành 100% giá trị là 4.802.705.530 đồng. Ngày 12/4/2012, Công ty Quốc tế có văn bản xin khất nợ và đề xuất gia hạn thanh toán đến cuối tháng 12/2012 nhưng hết thời hạn cam kết và đến nay Công ty Quốc tế vẫn không thanh toán mặc dù Công ty H đã liên tục, nhiều lần gửi văn bản đề nghị thanh toán nợ.

Ngày 27/9/2017, Công ty Quốc tế gửi bản đối chiếu công nợ, xác định số nợ cần trả Công ty H là 4.751.009.368 đồng. Công ty H đồng ý với số nợ này.

Số tiền nợ giảm là do trừ đi chi phí điện, nước Công ty Quốc tế cung cấp cho Công ty H trong quá trình thi công. Đến nay Công ty Quốc tế vẫn chưa thanh toán được bất kỳ một khoản tiền nào và không nhất trí trả lãi như Công ty H yêu cầu.

Tại đơn khởi kiện, Công ty H yêu cầu Công ty Quốc tế trả tiền nợ công trình theo hợp đồng kinh tế bao thầu công trình tính đến ngày 30/11/2019 tổng số tiền nợ là 10.620.023.619 đồng, gồm:

- Nợ gốc: 4.751.009.368 đồng;

- Nợ lãi trong hạn (từ ngày 09/5/2011 đến ngày 31/12/2012 với mức lãi suất năm 2011 là 20% và năm 2012 là 15,5%), số tiền là: 1.372.183.886 đồng;

- Lãi trên nợ gốc quá hạn (từ ngày 01/01/2013 đến 30/11/2019 với mức lãi suất mỗi năm là 13,5%), số tiền là: 4.496.830.356 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm ngày 05/6/2020, Công ty H thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng xây dựng, yêu cầu bị đơn trả lãi chậm thanh toán đối với số tiền thi công công trình xây dựng còn nợ 4.751.009.368 đồng theo mức lãi suất cho vay và mức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố L là Ngân hàng nơi Công ty TNHH H mở tài khoản thanh toán (văn bản Ngân hàng trả lời Công ty H), cụ thể: Từ ngày 09/5/2011 đến hết ngày 31/12/2011 lãi suất là 21%; năm 2012 lãi suất là 19%; năm 2013 lãi suất là 19,5%; năm 2014 lãi suất là 18,75%; năm 2015 đến năm 2020 mỗi năm lãi suất là 18%; tổng số tiền lãi chậm trả là 8.324.725.213 đồng; tổng số tiền cả gốc và lãi chậm trả là 13.075.734.581 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ gốc, thay đổi yêu cầu về lãi chậm thanh toán, cụ thể: Yêu cầu bị đơn trả lãi chậm thanh toán đối với số tiền thi công công trình còn nợ 4.751.009.368 đồng, từ ngày 09/5/2011 đến hết 31/12/2011 lãi suất là 21%; năm 2012 lãi suất là 19% (theo lãi suất Công ty H thực tế vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố L); từ năm 2013 đến năm 2020 tính theo quy định pháp luật là theo mức lãi suất nợ quá hạn đối với khoản vay trung và dài hạn tại Công văn Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố L gửi Tòa án.

Bị đơn ông Lâm Bảo K là người đại diện theo pháp luật của Công ty Quốc tế Lạng Sơn có văn bản trình bày ý kiến: Công ty Quốc tế xác nhận về việc ký hợp đồng kinh tế bao thầu công trình ngày 31/12/2010 với Công ty H. Số tiền Công ty Quốc tế xác nhận nợ phải trả của Công ty H 4.751.009.368 đồng là khối lượng xây dựng hoàn thành chưa thanh toán, không phải nợ phát sinh từ việc vay tài sản nên Công ty H yêu cầu tính lãi áp dụng theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là không đúng quy định và Công ty H trích dẫn Hợp đồng kinh tế bao thầu công trình có nội dung "nếu sau 01 tuần, Công ty CP Quốc tế L chậm thanh toán sẽ tính lãi (tính theo lãi suất ngân hàng)" là nội dung tại mục K quy định để xử lý, trường hợp "thời gian hoàn thành công trình chậm hoặc không thi công

theo bảng kế hoạch thi công", không phải để áp dụng cho việc thanh toán hợp đồng. Công ty Quốc tế không chấp nhận mức lãi suất như Công ty H yêu cầu, chỉ chấp nhận mức lãi chậm trả theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể: Từ ngày 01/01/2012 đến hết năm 2016 là 9%/năm, từ năm 2017 đến hết năm 2019 là không quá 10%/năm. Ngày 31/8/2020 và ngày 01/9/2020, ông Lâm Bảo K là người đại diện theo pháp luật của Công ty Quốc tế có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu, đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án vì cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2020/KDTM-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã giải quyết:

Căn cứ Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 157, 429, Điều 357, Điều 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 81, 107, 108 Luật Xây dựng năm 2003; Điều 146 Luật Xây dựng năm 2014; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn H.

1. Buộc Công ty Cổ phần Quốc tế L phải trả Công ty trách nhiệm hữu hạn H số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/9/2020) là 11.717.778.000 đồng (mười một tỷ, bảy trăm mười bảy triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng), trong đó:

Tiền nợ công trình là 4.751.009.000 đồng (bốn tỷ, bảy trăm năm mươi một triệu, không trăm linh chín nghìn đồng);

Tiền lãi chậm thanh toán là 6.966.769.000 đồng (sáu tỷ, chín trăm sáu mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn đồng);

Ngoài ra bản án còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật quy định ngày 19 tháng 10 năm 2020 Công ty Cổ phần Quốc tế L nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố L. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn giải quyết theo thủ tục phúc thẩm Hủy bản án dân sự sơ thẩm, do vi phạm pháp luật Thuế, thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết và nguyên đơn mất quyền khởi kiện. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng xây dựng giữa Công ty TNHH H với Công ty Cổ phần Quốc tế L do đã hết thời hiệu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện hợp pháp của Công ty H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ý kiến: Bản án kinh doanh thương mại của Tòa án nhân dân thành phố L đã giải quyết là đúng quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Quốc tế L, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố L.

Đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Quốc tế L chấp nhận trả gốc và lãi cho Công ty H số tiền gốc công lãi là 9.387.000.527 đồng (bao gồm tiền gốc 4.751.009.368 đồng; tiền lãi là 4.635.991.159 đồng).

Trường hợp Công ty H không đồng ý, Công ty Quốc tế đề nghị Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng xây dựng giữa Công ty TNHH H với Công ty Cổ phần Quốc tế L, do hết thời hiệu khởi kiện để đảm bảo cho Công ty Cổ phần Quốc tế L không phải nộp án phí sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết từ khi thụ lý vụ án, tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật,.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đương sự tại phiên tòa thấy: Nguyên đơn đã hoàn thành việc thi công công trình trước thời hạn. Ngày 02/5/2011, hai bên đã đối chiếu công nợ xác định số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 4.082.299.819 đồng (85% tổng giá trị nghiệm thu). Do bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn, ngày 27/9/2017, bị đơn có bảng đối chiếu công nợ xác định số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 4.751.009.368 đồng, nguyên đơn chấp nhận số nợ nhưng bị đơn không thanh toán. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn công nhận còn nợ tiền công trình tiền gốc là 4.751.009.368 đồng và tiền lãi là 4.635.991.159 đồng. Không đồng ý cách tính lãi chậm thanh toán từ 09/5/2011 đến hết năm 2012 theo mức lãi suất thực tế nguyên đơn vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố L và từ năm 2013 đến nay theo lãi suất quá hạn đối với khoản vay trung và dài hạn của Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố L nhưng không đưa được ra được các căn cứ phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2020/KDTM-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần Quốc tế L nộp trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Hợp đồng kinh tế bao thầu xây dựng công trình khu đô thị LS/20101231 ký kết ngày 31/12/2010 giữa Công ty Quốc tế với Công ty H là hợp đồng xây dựng, có mục đích lợi nhuận, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là Tranh chấp hợp đồng xây dựng. Bị đơn Công ty Quốc tế có trụ sở

tại địa bàn thành phố L, cũng là nơi thực hiện Hợp đồng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Công ty Quốc tế kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 để xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận là không đúng điều luật áp dụng. Hội đồng xét xử, xét thấy: Theo quy định của khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận"*. Theo quy trên cả hai công ty đều có tư cách pháp nhân, có tài khoản riêng và đều có mục đích kinh doanh có lợi nhuận nên cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án kinh doanh, thương mại và áp dụng khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết đúng quy định của pháp luật.

[4] Về thời hiệu khởi kiện Công ty Quốc tế kháng cáo cho rằng thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự đã hết, Hội đồng xét xử, xét thấy: Hợp đồng kinh tế bao thầu xây dựng số LS/20101231 ngày 31/12/2010 được Công ty Quốc tế Lạng Sơn là chủ đầu tư phát thầu ký với Công ty H là nhà nhận thầu được hai bên ký kết giai đoạn I, thời gian hoàn thành công trình là 30/6/2011. Phương thức thanh toán trước ngày 25 hàng tháng, số tiền thanh toán giai đoạn bằng 85% tổng giá trị nghiệm thu, 15% còn lại được thanh toán khi hoàn công. Công ty H đã thực hiện xong trước thời hạn, ngày 02/5/2011 hai bên lập biên bản đối chiếu công nợ, xác định Công ty Quốc tế phải thanh toán 85% giá trị nghiệm thu là 4.082.299.819 đồng. Ngày 12/4/2012 Công ty H có Công văn số 12/12/CV-HV đề nghị Công ty Quốc tế thanh toán số tiền 4.802.705.530 đồng, cũng trong ngày 12/4/2012 Công ty Quốc tế ban hành Công văn số 18/CV-CPQT đề nghị Công ty H gia thời hạn thanh toán đến cuối tháng 12/2012 do khó khăn về kinh tế, nhưng hết thời hạn cam kết Công ty Quốc tế không thanh toán. Thời gian tiếp theo sau đó Công ty H đã nhiều lần gửi công văn yêu cầu Công ty Quốc tế thanh toán tiền công trình nhưng đến nay Công ty Quốc tế vẫn không thanh toán.

[5] Ngày 27/9/2017, Công ty Quốc tế đã có Bảng đối chiếu công nợ và công nhận số tiền phải trả cho Công ty H là 4.751.009.368 đồng, những ngày tiếp theo 01/11/2018, 05/01/2019, 29/3/2019, Công ty Quốc tế vẫn có văn bản thừa nhận số nợ trên.

[6] Do vậy, theo quy định tại Điều 157, Điều 429 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện được bắt đầu tính lại từ ngày Công ty Quốc tế (bên có nghĩa vụ) thừa nhận nghĩa vụ và thời hiệu khởi kiện về hợp đồng là 03 năm. Vì vậy, Công ty H khởi kiện là trong thời hiệu quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết không chấp nhận yêu cầu của Công ty Quốc tế về việc áp dụng thời hiệu để đình chỉ giải quyết vụ án là có căn cứ.

[7] Về khoản nợ tiền công xây dựng công trình theo Hợp đồng kinh tế bao thầu xây dựng số LS/20101231, ngày 31/12/2010 được Công ty Quốc tế Lạng

Son là chủ đầu tư phát thầu ký với Công ty H là nhà nhận thầu: Tại phiên tòa phúc thẩm Công ty Quốc tế công nhận hiện tại còn nợ số tiền xây dựng công trình theo văn bản đối chiếu công nợ ngày 27/9/2017, chưa thanh toán cho Công ty H. Do vậy, xác định số nợ gốc Công ty Quốc tế phải trả Công ty H là 4.751.009.368 đồng (bốn tỷ, bảy trăm năm mươi một triệu, không trăm linh chín nghìn, ba trăm sáu mươi tám đồng).

[8] Về lãi chậm thanh toán: Công ty Quốc tế L cho rằng Công ty H yêu cầu trả lãi với mức lãi suất năm 2011 là 21%; năm 2012 là 19% là quá cao so với mức lãi xuất mà Công ty Quốc tế tìm hiểu được và chỉ chấp nhận trả lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Bộ luật Dân sự năm 2015, cụ thể: Năm 2011 là 19%; năm 2012 là 12%; năm 2013 là 13%; năm 2014 là 12%; từ năm 2015 đến năm 2016 là 10%; từ năm 2017 đến năm 2020 là 9,5%. Tổng số tiền lãi phải trả 4.635.991.159 đồng.

[9] Hội đồng xét xử, xét thấy: Theo Hợp đồng kinh tế bao thầu xây dựng số LS/20101231 ngày 31/12/2010 được Công ty Quốc tế L là chủ đầu tư phát thầu ký với Công ty H là nhà nhận thầu: Phần K có ghi phạt quá hạn và phạt khác, tại tiểu mục e có ghi: *"Trước ngày 25 hàng tháng, bên B gửi giấy xin thanh toán cho bên A. Sau khi đơn vị giám sát của bên A hoàn tất việc nghiệm thu xong thì sẽ thanh toán tiền vào ngày 05 tháng sau, nếu ngày nghỉ lễ tết thì thời gian tính thêm ngày lễ tết. Nếu bên A chậm thanh toán 01 tuần thì sẽ tính lãi theo lãi suất của ngân hàng"*.

[10] Ngày 02/5/2011, hai bên đã đối chiếu công nợ, xác định số tiền Công ty Quốc tế phải thanh toán cho Công ty H. Hợp đồng xây dựng có nội dung: *"Nếu bên A chậm thanh toán 01 tuần thì sẽ tính lãi (tính theo lãi xuất của Ngân hàng)"*. Xác định từ ngày 09/5/2011, Công ty Quốc tế vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng xây dựng. Do vậy, Công ty H yêu cầu công ty Cổ phần Quốc tế phải chịu lãi xuất quá hạn từ ngày 09/5/2011 là có căn cứ.

[11] Tại phiên tòa người đại diện của Công ty Quốc tế xác nhận thời gian chậm trả tính từ ngày 09/5/2011 là đúng. Do đây là vụ án tranh chấp hợp đồng xây dựng giữa bên phát thầu là Công ty Quốc tế L với bên nhận thầu là Công ty H. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng luật chuyên ngành xây dựng để tính lãi xuất theo lãi xuất của ngân hàng nơi Công ty H mở tài khoản là Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố L để giải quyết là đúng thẩm quyền. Công ty H yêu cầu Công ty Quốc tế phải trả tiền lãi chậm thanh toán theo quy định tại Điều 81 Luật xây dựng năm 2003, được hướng dẫn tại điểm d Điều 42 Nghị định 48/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 07/5/2010 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Điều 146 Luật xây dựng năm 2014; hướng dẫn tại Điều 43 Nghị định 37/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng. Xác định lãi suất chậm thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn của khoản vay trung và dài hạn thời gian từ năm 2011- 2020, cụ thể: Năm 2011 lãi suất là 28,5%; năm 2012 lãi suất là 24%; năm 2013 lãi suất là 16,5%; năm 2014 và năm 2015 lãi suất là 15%; năm 2016 đến năm 2020 mỗi năm lãi suất là 14,25%. Tuy nhiên, từ ngày 09/5/2011 đến hết ngày 31/12/2011 Công ty H chỉ yêu cầu trả lãi với mức lãi suất là 21%, năm 2012 là 19% là thấp hơn lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng

nơi Công ty H mở tài khoản thanh toán quy định trong thời gian tương ứng, yêu cầu này là tự nguyện, không trái pháp luật, có lợi hơn cho bị đơn, cần chấp nhận. Từ ngày 01/01/2013 đến nay, Công ty H yêu cầu bị đơn trả lãi chậm thanh toán theo lãi quá hạn của khoản vay trung và dài hạn do Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố L áp dụng cho từng thời kỳ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 7 Điều 146 Luật Xây dựng năm 2014 được hướng dẫn tại Điều 43 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng. Xác định số tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 09/5/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm (25/9/2020) đã làm tròn là 6.966.769.000 đồng (sáu tỷ, chín trăm sáu mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn đồng), Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết buộc Công ty Quốc tế phải có nghĩa vụ trả cho Công ty H là có căn cứ.

[12] Tổng số tiền nợ công trình và lãi chậm thanh toán Công ty Quốc tế phải trả cho Công ty TNHH H đã làm tròn là 11.717.778.000 đồng (mười một tỷ, bảy trăm mười bảy triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

[13] Công ty Cổ phần Quốc tế L cho rằng quan hệ tranh trong vụ án là chấp hợp đồng xây dựng, nhưng không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Luật xây dựng để giải quyết việc tính lãi xuất chậm trả, yêu cầu Tòa án áp dụng việc tính lãi xuất chậm trả thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Bộ luật Dân sự năm 2015 là không có cơ sở để chấp nhận.

[14] Về án phí: Do kháng cáo của Công ty Quốc tế không được chấp nhận nên Công ty Quốc tế phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), tiền án phí phúc thẩm sung ngân sách Nhà nước.

[15] Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm giải quyết vụ án phù hợp quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Quốc tế L; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 09/2020/KDTM-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

2. Án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần Quốc tế L phải phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), tiền án phí phúc thẩm sung ngân sách Nhà nước; xác nhận Công ty Cổ phần Quốc tế L đã nộp đủ số tiền 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2015/0002480 ngày 05/11/2020 của Chi cục T thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục T thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đức Châm